

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Thanh Hóa trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800947548 ngày 16 tháng 2 năm 2006. Thay đổi lần thứ 7 ngày 07 tháng 07 năm 2011.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: THANH HOA PETROLEUM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: PVC - TH

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại Lộ Lê Lợi, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Phạm Hữu Nghĩa	Chủ tịch
	Lương Hoàng	Ủy viên
	Dương Văn Hóa	Ủy viên
	Trịnh Xuân Nghiệm	Ủy viên
	Lê Xuân Hoàng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Lương Hoàng	Giám đốc
	Lê Văn Tuấn	Phó Giám đốc
	Dương Văn Hóa	Phó Giám đốc
	Trịnh Xuân Hoàng	Phó Giám đốc
	Trần Anh Thư	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lương Hoàng
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 3 năm 2012

191 9 2 11 151

Số: 143/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 08/03/2012 của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa ("Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2012

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		597.489.032.743	352.417.465.540
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.321.540.067	3.496.274.511
1. Tiền	111		3.321.540.067	3.496.274.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	27.500.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209.981.299.264	288.987.778.498
1. Phải thu khách hàng	131		74.075.254.807	148.571.930.946
2. Trả trước cho người bán	132		113.327.643.915	88.665.098.648
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	22.578.400.542	51.750.748.904
IV- Hàng tồn kho	140		277.699.297.827	46.149.874.245
1. Hàng tồn kho	141	5.4	277.699.297.827	46.149.874.245
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		8.986.895.585	13.783.538.286
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	620.490.495	609.429.435
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.6	1.014.115.496	10.049.661.271
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.6	3.548.308	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	7.348.741.286	3.124.447.580
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		155.653.188.735	125.505.841.228
I Các khoản phải thu dài hạn	210		34.000.000	34.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218		34.000.000	34.000.000
II Tài sản cố định	220		62.891.533.235	121.365.774.588
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	6.022.860.628	7.027.774.488
- Nguyên giá	222		9.060.199.441	8.694.211.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.037.338.813)	(1.666.436.862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	17.986.116	24.236.112
- Nguyên giá	228		25.000.000	25.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.013.884)	(763.888)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	56.850.686.491	114.313.763.988
III. Bất động sản đầu tư	240	5.11	70.802.425.295	-
1. Nguyên giá	241		73.235.868.711	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.433.443.416)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.998.599.718	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.12	16.998.599.718	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.926.630.487	4.106.066.640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	4.926.630.487	4.106.066.640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		753.142.221.478	477.923.306.768

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		522.826.297.118	256.813.453.686
I- Nợ ngắn hạn	310		292.470.926.403	249.817.851.686
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	48.233.025.442	3.642.308.150
2. Phải trả người bán	312		165.619.775.662	239.370.060.600
3. Người mua trả tiền trước	313		2.516.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	2.735.330.566	4.073.106.992
5. Phải trả người lao động	315		1.652.647.187	2.651.196.183
6. Chi phí phải trả	316	5.16	42.790.709.884	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	28.295.906.928	81.179.761
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		627.530.734	-
II- Nợ dài hạn	330		230.355.370.715	6.995.602.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	207.962.909.316	6.995.602.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.19	22.392.461.399	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		230.315.924.360	221.109.853.082
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	230.315.924.360	221.109.853.082
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.223.769.959	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.111.884.980	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		555.942.490	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.424.326.931	11.109.853.082
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400 + 439)	440		753.142.221.478	477.923.306.768

Người lập biểu



Trần Thị Dung

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Nga

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Lương Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		601.409.326.876	147.798.496.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	10.388.749
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	601.409.326.876	147.788.107.572
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	547.300.999.239	127.928.647.235
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		54.108.327.637	19.859.460.337
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	6.684.909.868	710.852.001
7. Chi phí tài chính	22	5.24	16.418.143.317	385.915.274
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		16.418.143.317	385.915.274
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.25	23.998.303.021	5.363.134.916
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		20.376.791.167	14.821.262.148
11. Thu nhập khác	31	5.26	39.553.362	10.304.727
12. Chi phí khác	32	5.26	96.051.831	6.433.814
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(56.498.469)	3.870.913
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		20.320.292.698	14.825.133.061
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	5.119.448.174	3.706.283.265
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.200.844.524	11.118.849.796
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	724	3.797

Người lập biểu



Trần Thị Dung

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Nga

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Lương Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.320.292.698	14.825.133.061
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.538.351.302	531.123.238
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.684.909.868)	(710.852.001)
- Chi phí lãi vay	06		16.418.143.317	385.915.274
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.591.877.449	15.031.319.572
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		83.814.182.995	(300.296.207.335)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(231.549.423.582)	(45.552.748.578)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.932.276.184)	273.720.817.758
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(831.624.907)	(4.028.204.259)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13.012.904.263)	(356.611.823)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.119.932.760)	(18.256.371)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		283.793.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(141.756.308.252)	(61.499.891.036)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(10.096.360.668)	(102.126.619.675)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(27.500.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.684.909.868	710.852.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.911.450.800)	(101.415.767.674)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, vốn góp	31		-	159.010.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		519.781.046.893	17.531.545.150
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(273.508.022.285)	(10.177.203.099)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.780.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		242.493.024.608	166.364.342.051
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		69.825.265.556	3.448.683.341
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.496.274.511	47.591.170
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		73.321.540.067	3.496.274.511

Người lập biểu



Trịnh Thị Dung

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Nga

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Lương Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800947548 ngày 16 tháng 2 năm 2006. Thay đổi lần thứ 7 ngày 07 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại Lộ Lê Lợi, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê. Đầu tư cải tạo đất, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê đã có hạ tầng, phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch.
- Kho bãi lưu giữ hàng hóa.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
- Xây dựng công trình đường sắt đường bộ, xây dựng công trình công ích
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất sắt, thép, gang
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt hệ thống điện, sửa chữa máy móc thiết bị.
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp điện đến 35kv, công trình thể thao ngoài trời, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu kinh tế. Thăm dò khai thác chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng và phụ gia xi măng, đá bazan, silic, quặng sắt làm phụ gia xi măng, sắt thép, xi măng, clinker, đá vôi, đá ốp lát, đá sét, cát, gạch ngói và tấm lợp các loại

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Đầu tư hạ tầng, San lấp mặt bằng Dự án liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn

Số lao động bình quân trong năm: 297 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình, vô hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	11
Máy móc thiết bị	08
Phương tiện vận tải	10
Dụng cụ quản lý	4

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản dở dang Dự án liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty là Tòa nhà tại 38A Đại Lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 3 năm.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của Công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (thông qua Đại hội cổ đông) Công ty con.

Công ty liên kết là khoản đầu tư của Công ty Mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không dưới dạng là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty Mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được theo dõi dựa trên các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập.

Các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư dài hạn được hạch toán theo quy định hiện hành. Phần thu nhập được hạch toán tại thời điểm phát sinh.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phân ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp và số phải thu của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	650.908.111	1.238.949.424
Tiền gửi ngân hàng	2.670.631.956	2.257.325.087
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	-
Tổng	73.321.540.067	3.496.274.511

5.2 Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng	27.500.000.000	-
Tổng	27.500.000.000	-

Hợp đồng hợp tác trong thời gian 180 ngày có xác định phí sử dụng vốn cố định là 17%/năm.

5.3 Phải thu khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	3.963.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam	-	38.273.178.082
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí (PVCR)	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	994.670.905	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thanh Hóa	410.666.667	-
Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Hà Nội	140.000.000	-
Công ty Cổ phần kiến trúc UBIK	-	23.400.000
Công ty TNHH vận tải Trường An	-	285.580.227
Công ty TNHH dịch vụ Bảo vệ Lam Sơn	-	119.218.400
Phải thu các nhà thầu phụ thi công	17.922.239.958	8.889.983.378
UBND Huyện Quảng Xương - Thanh Hóa	3.000.000.000	-
Phải thu người lao động	10.823.012	196.388.817
Tổng	22.578.400.542	51.750.748.904

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.4	Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu	155.683.832	12.584.232
	Công cụ, dụng cụ	2.676.000	-
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	183.203.418.726	15.014.831.195
	Thành phẩm	94.337.519.269	31.122.458.818
	Tổng	277.699.297.827	46.149.874.245
5.5	Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Chi phí trả trước công cụ dụng cụ phân bổ	620.490.495	609.429.435
	Tổng	620.490.495	609.429.435
5.6	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	1.014.115.496	10.049.661.271
	Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	2.173.572	-
	Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.374.736	-
	Tổng	1.017.663.804	10.049.661.271
5.7	Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
	Tạm ứng	7.348.741.286	3.124.447.580
	Tổng	7.348.741.286	3.124.447.580

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐẦU KHỞI THÀNH HÓA
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	293.528.482	1.878.290.511	5.990.748.157	531.644.200	8.694.211.350
Tăng trong năm	-	206.204.545	306.000.000	405.448.627	917.653.172
Mua trong năm	-	160.977.273	-	393.221.354	554.198.627
Tăng khác	-	45.227.272	306.000.000	12.227.273	363.454.545
Giảm trong năm	-	179.242.425	319.730.418	52.692.238	551.665.081
Thanh lý, nhượng bán	-	45.227.272	-	22.763.637	67.990.909
Giảm khác	-	134.015.153	319.730.418	29.928.601	483.674.172
Số dư tại 31/12/2011	293.528.482	1.905.252.631	5.977.017.739	884.400.589	9.060.199.441

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2011	94.247.551	773.325.265	780.279.469	18.584.577	1.666.436.862
Tăng trong năm	26.684.406	299.112.777	986.914.268	219.389.855	1.532.101.306
Khấu hao trong năm	26.684.406	299.112.777	986.914.268	219.389.855	1.532.101.306
Giảm trong năm	-	23.947.421	117.738.857	19.513.077	161.199.355
Thanh lý, nhượng bán	-	9.056.847	-	5.174.412	14.231.259
Giảm khác	-	14.890.574	117.738.857	14.338.665	146.968.096
Số dư tại 31/12/2011	120.931.957	1.048.490.621	1.649.454.880	218.461.355	3.037.338.813
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	199.280.931	1.104.965.246	5.210.468.688	513.059.623	7.027.774.488
Tại 31/12/2011	172.596.525	856.762.010	4.327.562.859	665.939.234	6.022.860.628

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2011	25.000.000	25.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2011	763.888	763.888
Tăng trong năm	6.249.996	6.249.996
Khấu hao trong năm	6.249.996	6.249.996
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>7.013.884</u>	<u>7.013.884</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2011	<u>24.236.112</u>	<u>24.236.112</u>
Tại 31/12/2011	<u>17.986.116</u>	<u>17.986.116</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án Khách sạn Lam Kinh	-	82.673.030.180
Dự án 10ha tại Nghi Sơn	29.037.024.281	25.616.285.528
Dự án 157ha tại Nghi Sơn	26.186.787.577	5.711.433.239
Dự án 25ha tại Nghi Sơn	1.608.692.633	313.015.041
Dự án Tòa nhà hỗn hợp tại Khu đô thị Đông Hương	18.182.000	-
Tổng	<u>56.850.686.491</u>	<u>114.313.763.988</u>

5.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là Tòa nhà tại 38A Đại Lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	16.998.599.718	-
Tổng	16.998.599.718	-

Công ty con	Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ sở hữu theo đăng ký %	Tổng vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2011 VND	Vốn điều lệ Công ty CP Xây lập Dầu khí Thanh Hóa thực góp đến 31/12/2011 VND	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2011 %	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	160.000.000.000	64,52%	73.701.813.090	16.939.421.636	22,98%	Dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống
Tổng	160.000.000.000			16.939.421.636		

Theo nghị quyết số 426/ND-XLTK ngày 20/05/2011 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu Khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh lên 500 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Xây lập Dầu Khí Thanh Hóa (Cổ đông hiện hữu) chiếm 20,6% vốn điều lệ sau khi tăng vốn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2011, Công ty Cổ phần Xây lập Dầu Khí Thanh Hóa thực góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh với tỷ lệ 22,98% và nếu phương án tăng vốn của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh lên 500 tỷ thành công, vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh sau khi các cổ đông góp đủ sẽ chiếm 20,6%. Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, trên cơ sở vốn thực góp hiện tại và kế hoạch sở hữu vốn trong năm 2012 theo phương án tăng vốn tại Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh, khoản đầu tư này được hạch toán theo giá gốc tại Báo cáo riêng của Công ty và Công ty không lập Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính 2011.

5.13 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.926.630.487	4.106.066.640
Tổng	4.926.630.487	4.106.066.640

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.14 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay Ngân hàng tổ chức tín dụng	48.233.025.442	3.292.308.150
<i>Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam</i>		
- Chi nhánh Thanh Hóa	-	365.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (1)</i>	13.500.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thanh Hóa (2)</i>	34.733.025.442	
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa</i>	-	2.927.308.150
Vay cá nhân	-	350.000.000
<i>Lê Thị Giang</i>	-	350.000.000
Tổng	48.233.025.442	3.642.308.150

(1) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 23/2011/HDTD-KHDN ngày 25/1/2010 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa. Hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn cho vay là 9 tháng. Lãi suất trong hạn 16,2%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn.

(2) Hợp đồng tín dụng số 0008/2011/580 ngày 23/9/2011 giữa Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thanh Hóa với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa. Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất thỏa thuận được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay. Biện pháp bảo đảm: bằng hợp đồng tiền gửi số 580.24/OJBTH-PVC Thanh Hóa và Hợp đồng tiền gửi số 580.22/OJBTH-PVC Thanh Hóa.

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 13/2011/580 ngày 14/10/2011 giữa Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thanh Hóa với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa. Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng, mục đích vay: bù đắp số tiền trả trước cho Công ty Cổ phần khai khoáng xây dựng phụ gia Thanh Hóa. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay 17%/năm. Bảo đảm nợ vay bằng hợp đồng tiền gửi số 580.30/OJBTH-PVC Thanh Hóa trị giá 20 tỷ đồng.

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.707.150.551	3.707.635.137
Thuế thu nhập cá nhân	6.957.614	291.542.426
Thuế tài nguyên	16.374.401	36.767.617
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.626.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.848.000	35.535.812
Tổng	2.735.330.566	4.073.106.992

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Chi phí phải trả khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	34.225.607.141	-
Chi phí phải trả khác	8.565.102.743	-
Tổng	42.790.709.884	-

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	173.876.141	55.368.849
Bảo hiểm xã hội	10.663.840	758.637
Bảo hiểm y tế	2.181.240	1.769.231
Bảo hiểm thất nghiệp	800.590	119.712
Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.108.385.117	23.163.332
<i>Tổng Công ty Dầu Việt Nam</i>	<i>28.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>108.385.117</i>	<i>23.163.332</i>
Tổng	28.295.906.928	81.179.761

5.18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	1.870.000.000	1.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (1)	184.178.022.285	-
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (2)	21.914.887.031	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	5.995.602.000
Tổng	207.962.909.316	6.995.602.000

(1) Hợp đồng 01/2010/HĐTD-DH/04032010/PVFCTL-PVFCLAND & PL HĐ số 01/2010/HĐT-DH0403210/PVFCTL-PVFCLAND/PL02. Số tiền vay: 295.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh thuộc khu tổ hợp Thương mại-Dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa. Lãi suất cho vay: lãi suất tham chiếu cộng 4%/ năm. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư để thực hiện dự án Khách sạn Lam Kinh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (toàn bộ vật tư phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất dự án Khách sạn Lam Kinh);

(2) Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCTL08 ngày 19/12/2008. Số tiền vay: 53.248.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Vay vốn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở văn phòng đại diện của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam tại 38A Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu cho thuê văn phòng tại tòa nhà 38A Lê Lợi chờ phân bổ cho các năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2010	2.965.000.000	-	-	-	97.397.259
Tăng trong năm	207.035.000.000	-	-	-	11.017.255.823
Vốn góp	207.035.000.000	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	11.017.255.823
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.800.000
Giảm khác	-	-	-	-	4.800.000
Số dư tại 31/12/2010	210.000.000.000	-	-	-	11.109.853.082
Số dư tại 01/01/2011	210.000.000.000	-	-	-	11.109.853.082
Tăng trong năm	-	2.223.769.959	1.111.884.980	555.942.490	15.209.841.238
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	15.209.841.238
Trích lập các quỹ	-	2.223.769.959	1.111.884.980	555.942.490	-
Tăng khác	-	-	-	-	8.996.714
Giảm trong năm	-	-	-	-	9.895.367.389
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	6.115.367.389
Chia cổ tức 2010	-	-	-	-	3.780.000.000
Số dư tại 31/12/2011	210.000.000.000	2.223.769.959	1.111.884.980	555.942.490	16.424.326.931

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	75.600.000.000	75.600.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần	1.400.000.000	36.750.000.000
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	20.000.000.000	32.000.000.000
Các cổ đông khác	98.000.000.000	32.650.000.000
Tổng	210.000.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu thường	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.21 Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.958.102.462	11.903.123.963
Doanh thu công trình Nhà máy xơ sợi Polyester Đình Vũ - Hải Phòng	16.160.178.123	7.291.322.936
Doanh thu tài sản dự án Khách sạn Lam Kinh	318.181.818.182	-
Doanh thu San lắp mặt bằng Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Thanh Hóa và Khu nhà ở dịch vụ liên hợp	250.731.648.208	128.236.228.987
Doanh thu Công trình sửa chữa Trường THCS Quảng Lưu - Thanh Hóa	376.108.181	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.001.471.720	357.431.686
Tổng	601.409.326.876	147.788.107.572
5.22 Giá vốn hàng bán	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bán thành phẩm	5.415.382.007	10.385.481.343
Giá vốn công trình Nhà máy xơ sợi Polyester Đình Vũ - Hải Phòng	15.925.843.266	6.890.300.175
Giá vốn tài sản dự án Khách sạn Lam Kinh	318.181.818.182	-
Giá vốn San lắp mặt bằng Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Thanh Hóa và Khu nhà ở dịch vụ liên hợp	197.347.108.730	110.313.202.334
Giá vốn Công trình sửa chữa Trường THCS Quảng Lưu - Thanh Hóa	354.294.166	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.076.552.888	339.663.383
Tổng	547.300.999.239	127.928.647.235
5.23 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.684.909.868	710.852.001
Tổng	6.684.909.868	710.852.001
5.24 Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	16.418.143.317	385.915.274
Tổng	16.418.143.317	385.915.274

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.357.262.032	3.883.380.407
Chi phí vật liệu quản lý	959.733.738	248.399.327
Chi phí đồ dùng văn phòng	638.277.650	171.127.549
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.991.209.663	112.793.838
Thuế, phí, lệ phí	458.008.542	134.890.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.060.201.869	398.034.581
Chi phí bằng tiền khác	4.533.609.527	414.508.798
Tổng	23.998.303.021	5.363.134.916

5.26 Thu nhập/Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	39.553.362	10.304.727
Tổng	39.553.362	10.304.727
Chi phí khác		
Chi phí khác	96.051.831	6.433.814
Tổng	96.051.831	6.433.814
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	(56.498.469)	3.870.913

5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	20.320.292.698	14.825.133.061
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng : Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	157.500.000	-
Thu nhập chịu thuế	20.477.792.698	14.825.133.061
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.119.448.174	3.706.283.265
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.119.448.174	3.706.283.265

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.200.844.524	11.118.849.796
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.200.844.524	11.118.849.796
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	21.000.000	2.928.570
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	724	3.797

5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.537.695.398	-
Chi phí nhân công	14.512.882.351	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.971.794.718	112.793.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.060.201.869	398.034.581
Chi phí khác bằng tiền	4.533.609.527	414.508.798
Tổng	55.616.183.863	925.337.217

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	19.185.985.925	141.059.851.886
Công ty Cổ phần trang trí nội thất Dầu khí	2.666.532.800	1.154.085.000
Ban điều hành Dự án Nhà máy xơ sợi Polyester Đình Vũ - Hải Phòng	1.094.840.790	3.383.792.375
Tổng	22.947.359.515	145.597.729.261
Các khoản phải trả		
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	10.738.750.617	10.875.044.640
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	58.392.458.646	66.395.838.926
Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC Đông Đô)	31.228.779.545	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	65.992.523.323
Tổng	100.359.988.808	143.263.406.889

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	250.731.648.208	128.236.228.987
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	317.722.370	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	966.979.000	-
Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC Đông Đô)	885.422	-
Ban điều hành Dự án Nhà máy xơ sợi Polyester Đình Vũ - Hải Phòng	16.160.178.123	7.291.322.936
Tổng	268.177.413.123	135.527.551.923
<u>Giao dịch mua hàng</u>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.296.482.037	141.677.830.781
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	2.921.091.440	21.892.493.693
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.460.295.161	47.585.472.665
Công ty Cổ phần trang trí nội thất Dầu khí	7.548.756.364	-
Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC Đông Đô)	343.094.110.343	-
Tổng	422.320.735.345	211.155.797.139
		Năm 2011 VND
Bên liên quan	Tính chất giao dịch	
Hội đồng Quản trị	Thù lao	156.000.000
Ban Giám đốc	Lương và Thu nhập khác	1.614.045.897
Tổng		1.770.045.897

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Người lập biểu



Trần Thị Dung

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Nga

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Lương Hoàng